TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2026/QĐST - DS	*Quảng Ninh, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các điều 116, 280, 293, 298, 299, 303, 317, khoản 3 Điều 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, 357, khoản 4 Điều 422, 463, khoản 1 Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24/4/2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 202/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại M
Địa chỉ trụ sở: Số 18 L, phường Y, thành phố Hà Nội
Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q
Địa chỉ trụ sở: Số 175 G, phường O, thành phố Hà Nội
Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn O, ông Phạm Tiến Đ

- *Bị đơn*:

+ Anh Đinh Hữu H, sinh năm 1993
Nơi cư trú: Thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ninh.

+ Chị Trần Thị Kim A, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 24/4/2026 anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A còn nợ Ngân hàng TMCP M tổng số tiền theo Hợp đồng cho vay số 2.23.601.7955303.TD ngày 19/10/2023, Văn bản nhận nợ số LD2426935212 ngày 25/9/2024 là 1.146.803.826đ (một tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng) trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); nợ lãi trong hạn là 63.728.250đ (sáu mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng), nợ lãi quá hạn là 76.261.644đ (bảy mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng), nợ lãi chậm trả lãi là 6.813.932đ (sáu triệu, tám trăm mười ba nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

2.2. Ngân hàng TMCP M và anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

Ngay khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP M tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/4/2026 là 1.146.803.826đ (một tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 2.23.601.7955303.TD ngày 19/10/2023, Văn bản nhận nợ số LD2426935212 ngày 25/9/2024 kể từ ngày 25/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2.3. Trường hợp anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn A, phường H2, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 1230xx do UBND thành phố H cấp ngày 16/11/2022, ngày 30/12/2022 chuyển nhượng cho anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP M theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 169636.23.601.7955303.BĐ ngày 19/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP M và anh Đinh Hữu H, chị Trần Thị Kim A.

2.4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP M cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2.5. Về án phí: anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A phải liên đới nộp 23.202.057đ *(hai mươi ba triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.240.000đ *(hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00012716 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh

2.6. Về chi phí tố tụng: anh Đinh Hữu H và chị Trần Thị Kim A phải liên đới nộp 7.700.000đ (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này được trả cho Ngân hàng TMCP M là bên đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương